**TOÀ ÁN NDTPTHÁI NGUYÊN**
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 11 /2019/DS-ST*
*Ngày: 26/3/2019*
*V/v :Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

-*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: **Bà Hoàng Thúy Kiên;**

-*Các Hội thẩm nhân dân* **:Bà Hà Thị Dung;**

**Ông Trần Trọng Tú;**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Phạm Ngọc Anh** ;

Cán bộ Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu Nhung**- Kiểm sát viên

Ngày 26/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 83/2018/TLST-DS ngày 16/7/2018 về Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/ QĐXX ST- DS ngày 02/01/2019 giữa các đương sự;

+ ***Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim T**, sinh năm 1961;

ĐKHK và ở: Tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

+ ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:***

**Ông Phạm Ngọc Khuê,** là Luật sự, thuộc Văn phòng Luật sư Hùng Vương- Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên;

Địa chỉ liên hệ: Tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

+ ***Bị đơn:*** **Chị Đinh Thị D**, sinh năm 1987;

ĐKHK: Tổ 28, phường phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

Nơi ở: Tổ 24, phường phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

( Các đương sự có mặt).

+***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo đề nghị của bị đơn:***

**1. Bà Đinh Thị H,** sinh năm 1952;

Nơi ở: Tổ 25, phường phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

**2. Bà Đinh Thị Thanh P**, sinh năm 1950;

Nơi ở: Xóm Thành Công, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên;

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤÁN

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Kim T là nguyên đơn trình bày:*

Bà kết hôn với ông Đinh Xuân P (cha đẻ chị D) năm 2010 và chấm dứt quan hệ hôn nhân theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trong vụ án này không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung. Bà và ông P đã tự thỏa thuận như sau:

Ông P có trách nhiệm trả bà 01 khoản tiền là **120.000.000đ** (một trăm, hai mươi triệu đồng) là tiền riêng của bà đã sử dụng cho mục đích riêng của ông P (trong đó có **93.000.000đ** sử dụng trả các khoản nợ riêng của ông P phát sinh trước khi kết hôn với bà; **30.000.000đ** chi phí xây móng nhà trên đất là tài sản riêng của ông P, tại tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên. Thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày chấm dứt quan hệ hôn nhân (29/5/2014).

Do có khó khăn về kinh tế nên ông P không thực hiện được việc trả nợ bà theo thỏa thuận, ông P đã tiếp tục thỏa thuận trả bà bằng một phần đất (khoảng 180m $^2$) - trong khu đất là tài sản riêng của ông P nói trên để trừ nợ, nhưng do chị D đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD Đ) và không giao lại cho ông P nên bà và ông P không giải quyết được việc thanh toán khoản nợ trên theo phương thức này.

Bản thân ông P luôn có thiện trí trả nợ bà, do đó ngày 25/8/2014 ông P đã giao cho bà 01 văn bản là *" Đơn xin đề nghị"*- có chữ ký của ông P, đề ngày 25/8/2014 gửi Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ. Văn bản này có nội dung xác nhận việc ông P có nợ bà 120.000.000đ; Lý do ông P không hoàn thiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng 01 phần đất sang tên bà để trừ nợ là do chị D. Ông P đề nghị Tòa án giaỉ quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ông P đã chết ngày **21/02/2015** và để lại nghĩa vụ là khoản nợ phải trả bà nêu trên. Di sản của ông P để lại là **1.297 m $^2$** đất, tại tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên-trong đó có **300m $^2$** là đất ở, còn lại là đất vườn tạp- GCNQSD Đ mang tên ông P do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ cấp ngày 03/4/2003 (trên đất có 01 ngôi nhà tạm). Hiện chị D đang quản lý toàn bộ diện tích đất này và GCNQSD Đ.

Sau khi ông P chết, bà và chị D không thương lượng được việc thanh toán khoản nợ trên, tháng 8/2016 bà đã có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân thị trấn Chùa Hang (nay là phường Chùa Hang) hòa giải, chị D đã nhất trí thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại, trả bà 01 mảnh đất là di sản của ông P có diện tích khoảng 180m $^2$ (trong đó có 70 m $^2$ đất ở, còn lại là đất vườn tạp), bà có trách nhiệm trả cho chị D 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và chịu trách nhiệm xây 01 gian nhà cấp 4 để làm nhà thờ lên khu đất là di sản của ông P. Sau đó chị D lại thay đổi và không thực hiện.

Nay bà T xác định di sản do ông P để lại nói trên có giá trị lớn hơn nhiều lần khoản tiền thuộc nghĩa vụ trả nợ của ông P đối với bà, chị D là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P đang quản lý di sản. Do đó bà yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại như nêu trên.

Tài liệu, chứng cứ bà T cung cấp, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ và hợp pháp gồm:

1. 01 văn bản viết tay là: *" Đơn xin đề nghị"*- đề ngày 25/8/2014; Người viết đơn là Đinh Xuân P gửi Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, có nội dung xác định: Ông P nợ bà T 1**20.000.000đ** (một trăm hai mươi triệu đồng); Chị D quản lý GCNQSD Đ nên ông P không thực hiện được việc trả nợ bà T bằng đất; Ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (bản gốc).

2. Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 42/2014/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông P (bản photocoppi -có chứng thực);

3.Trích lục khai tử đối với ông Đinh Xuân P chết ngày 21/02/2015 (bản potocoppi - có chứng thực) .

*Tại văn bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Đinh Thị D là bị đơn thừa nhận các nội dung nguyên đơn đã khai như:* Thời điểm bà T và ông P kết hôn, thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân, thời điểm ông P chết, khối di sản của ông P để lại hiện do chị đang quản lý, di sản này có giá trị lớn hơn nhiều lần khoản tiền thuộc nghĩa vụ trả nợ của ông P để lại. Chị là con đẻ duy nhất của ông P và là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P (ông P không có con nuôi). Chị không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là văn bản ngày 25/8/2014 có nội dung xác định ông P có nợ bà T 120.000.000đ;

Lý do sau khi Ủy ban nhân dân thị Trấn Chùa Hang hòa giải chị không thực hiện thỏa thuận như bà T khai là do lỗi của bà T không đồng ý xây gian nhà thờ theo đúng yêu cầu của chị.

Nay chị không chấp nhận yêu cầu của bà T với lý do: Chị là con duy nhất của ông P nên phải có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Mặt khác, chị không có lỗi trong việc ông P nợ tiền của bà T và hoàn cảnh của chị hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả nợ do ông P để lại.

Chứng cứ do chị D cung cấp là GCNQSD Đ mang tên ông P do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ cấp ngày 03/4/2003 đối với diện tích đất **1.297** $m^2$, tại tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên;

*Bà Đinh Thị Thanh Ph và bà Đinh Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định:* Bà H, bà P và ông P là con đẻ của cụ Đinh Xuân V- chết năm 1985 và cụ Đinh Thị M- chết năm 1989. Di sản của ông P là **1.297** $m^2$ đất nói trên có nguồn gốc do cụ V và cụ M để lại (không có di chúc). Năm 2003 ông P được Cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD Đ, khi ông P làm thủ tục Bà H và bà P không biết. Tuy nhiên, nay Bà H và bà P vẫn xác định GCNQSD Đ của ông P đang tồn tại hiệu lực. Các đương sự không chấp nhận yêu cầu của bà T vì

nguồn gốc di sản của ông P là do cụ V và cụ M để lại như nêu trên. Mặt khác, số nợ trên do bà T tự mang GCNQSD Đ của ông P đi thế chấp để vay 30.000.000đ triệu và tự sử dụng, sau đó phát sinh lãi suất thành 120.000.000đ;

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:***

*+Về tố tụng*: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình tiến hành tố tụng đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng;

*+Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp*: Xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận;

Án phí, quyền kháng cáo của đương sự giải quyết theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ kiện tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, do bà Lê Thị Kim T khởi kiện chị Đinh Thị D. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp*:***

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến như nêu trên. Bị đơn thừa nhận nghĩa vụ của ông P để lại được xác định tại chứng cứ là văn bản đề ngày 25/8/2014 do nguyên đơn cung cấp và có nguyện vọng được trả nguyên đơn 01 khoản tiền là **60.000.000đ** (sáu mươi triệu đồng), với lý do: Bị đơn là con duy nhất của ông P nên không muốn bán di sản của ông P để trả nợ, hoàn cảnh của bị đơn hiện nay có khó khăn, nhưng nguyên đơn không chấp nhận.

Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự và tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, đối chiếu các quy định tại Điều 611; 612; 614; 615 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 (các quy định này được chuyển hóa từ các quy định tương ứng của của Bộ luật dân sự năm 2005), Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ông P chết ngày 21/02/2015; Nghĩa vụ của ông P để lại là việc trả nợ cho bà T 120.000.000đ; Khối di sản của ông P do chị D đang quản lý là **1.297 m $^2$** đất, tại tổ 28, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên- trong đó có **300m $^2$** là đất ở còn lại là đất vườn tạp - GCNQSD Đ mang tên ông P do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ cấp ngày 03/4/2003; Di sản này có giá trị lớn hơn nhiều lần khoản tiền thuộc nghĩa vụ trả nợ của ông P; Chị D là con đẻ của ông P và là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P (ông P không có con nuôi). Do đó, xác định chị D là người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông P để lại, trả bà T 120.000.000đ .

Như vậy là phù hợp với các quy định nêu trên, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

Nội dung các quy định trên như sau:

Điểm 611. ***"Thời điểm, địa điểm mở thừa kế***

*1.Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết...*

*2 .Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản;..."*

Điều 612. **"*Di sản***

*Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết,...;*

Điều 614. **"*Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế***

*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại...";*

Điều 615. ***"Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại***

*1.Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...*

**Điều 651.** ***"Người thừa kế theo pháp luật***

*1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:*

*a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;...";*

*Về ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà H và bà P tham gia tố tụng theo đề nghị của bị đơn, các đương sự đều thừa nhận Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã công nhận quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông P bằng GCNQSD Đ hiện đang tồn tại hiệu lực. Các đương sự đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

**[3]. Các vấn đề khác:**

+ **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Đây vụ án dân sự có giá ngạch, cần buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Điều 146; Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/ 2106/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các quy định: - Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 611; 612; 614; 615 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

-Điều 146,147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 3, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

**Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T.

Buộc chị Đinh Thị D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông Đinh Xuân P (cha đẻ chị D) để lại, trả bà T 01 khoản tiền là **120.000.000đ** (một trăm hai mươi triệu đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị D phải nộp **6.000.00**0đ (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước; Hoàn trả bà T **3.000.000đ** tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0006577 ngày 13/ 7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TN;
-VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
-CCTHADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**